

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 316/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027
nguồn vốn ngân sách địa phương tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ SÁU (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2027;

Căn cứ Công văn số 8449/BTC-NSNN ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2027;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên;

Nghị quyết số 247/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc quyết định Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 vốn ngân sách địa phương tỉnh Thái Nguyên;

Xét Tờ trình số 305/TTr-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027 tỉnh Thái Nguyên (nguồn vốn ngân sách địa phương); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 280/BC-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu tại Kỳ họp thứ sáu (Kỳ họp chuyên đề), Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XV; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2027 nguồn vốn ngân sách địa phương tỉnh Thái Nguyên với tổng số vốn là 8.649.051 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Vốn xây dựng cơ bản tập trung: 2.468.000 triệu đồng.
2. Vốn từ thu tiền sử dụng đất: 5.950.000 triệu đồng (*trong đó: Cấp tỉnh quản lý: 4.165.000 triệu đồng; cấp xã quản lý: 1.785.000 triệu đồng*).
3. Vốn xổ số kiến thiết: 53.000 triệu đồng.
4. Bội chi ngân sách địa phương: 178.051 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II, III, IV, V kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, Kỳ họp thứ sáu (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 13 tháng 8 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Lương

Phụ lục I
TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2027 TỈNH THÁI NGUYÊN
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số: 316/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027	Ghi chú
	TỔNG SỐ	8.649.051	
1	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	2.468.000	
2	Vốn từ thu tiền sử dụng đất	5.950.000	
-	<i>Cấp tỉnh quản lý</i>	<i>4.165.000</i>	
-	<i>Cấp xã quản lý</i>	<i>1.785.000</i>	
3	Vốn xổ số kiến thiết	53.000	
4	Bội chi ngân sách địa phương	178.051	

Phụ lục II
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2027 TỈNH THÁI NGUYÊN - VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN
TẬP TRUNG TRONG NƯỚC
(Kèm theo Nghị quyết số: 316/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Tổng mức đầu tư dự kiến				Lũy kế vốn đã bổ trí/ thanh toán đến hết năm 2026	Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn				
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương			
	TỔNG SỐ			24.282.117	7.156.550	18.254.656	2.045.029	2.468.000	
I	Quốc phòng			65.000	0	65.000	36.500	28.500	
-	Dự án chuyển tiếp sang năm 2027			65.000	0	65.000	36.500	28.500	
1	Dự án Cải tạo căn cứ chiến đấu 1, xã Vô Tranh, tỉnh Thái Nguyên	2025 - 2027	Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 18/10/2025; Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 08/12/2025	45.000		45.000	25.700	19.300	
2	Xây dựng, cải tạo, sửa chữa Căn cứ hậu phương xã Yên Trạch, tỉnh Thái Nguyên	2025 - 2027	Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 08/12/2025 Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 10/12/2025	20.000		20.000	10.800	9.200	
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội			40.623	0	40.623	23.500	9.200	
-	Dự án chuyển tiếp sang năm 2027			40.623	0	40.623	23.500	9.200	
1	Dự án mở rộng trụ sở Công an tỉnh (Cơ sở 1)	2026	Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 08/12/2025; Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 09/12/2025	40.623		40.623	23.500	9.200	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Tổng mức đầu tư dự kiến				Lũy kế vốn đã bố trí/ thanh toán đến hết năm 2026	Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn				
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương			
III	Khoa học, công nghệ			60.133	0	60.133	20.200	26.249	
-	Dự án chuyển tiếp sang năm 2027			60.133	0	60.133	20.200	26.249	
1	Dự án chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên	2026 - 2028	Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 Quyết định số 277/QĐ-SKHCN ngày 09/6/2026	60.133		60.133	20.200	26.249	
IV	Y tế, dân số và gia đình			766.000	390.400	375.600	770	130.000	
-	Dự án khởi công mới năm 2027			766.000	390.400	375.600	770	130.000	
1	Xây dựng nhà điều trị cho cán bộ thuộc diện bảo vệ sức khỏe và nhà điều trị nội trú cho Bệnh nhân - Bệnh viện A	2026 - 2029	Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 13/5/2026	270.000		270.000	100	80.000	
2	Dự án Xây dựng mới nhà hợp khối làm việc và khám chữa bệnh; mua sắm thiết bị y tế - Bệnh viện C	2026 - 2029	Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 27/4/2026	496.000	390.400	105.600	670	50.000	
V	Các hoạt động kinh tế			9.986.973	3.013.250	6.623.723	1.361.547	837.548	
V.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			7.626.500	3.013.250	4.613.250	313.747	541.210	
-	Dự án đầu tư công khẩn cấp			7.626.500	3.013.250	4.613.250	313.747	541.210	
1	Xây dựng tuyến đê Hữu Cầu đoạn từ cầu Cao Ngạn đến đập Thác Huống (Hệ thống công trình chống ngập lụt khu vực trung tâm tỉnh Thái Nguyên)	2026 - 2027	Lệnh khẩn cấp tại các Quyết định: Số 2211/QĐ-UBND ngày 09/12/2025; số 2679/QĐ-UBND ngày 31/12/2025; số 1531/QĐ-UBND ngày 27/5/2026	7.626.500	3.013.250	4.613.250	313.747	541.210	Tổng nhu cầu NSĐP là 6.044.094 triệu đồng. Phần còn lại bố trí tại Phụ lục III

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Tổng mức đầu tư dự kiến				Lũy kế vốn đã bố trí/ thanh toán đến hết năm 2026	Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn				
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương			
V.2	Giao thông			2.360.473	0	2.010.473	977.800	246.338	
-	Dự án đầu tư công khẩn cấp			804.871	0	454.871	559.800	213.573	
1	Dự án Xây dựng mới cầu Gia Bảy	2025 - 2026	Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh; số 387/QĐ-SXD ngày 18/6/2026	804.871		454.871	559.800	213.573	
-	Dự án chuyển tiếp sang năm 2027			1.555.602	0	1.555.602	418.000	32.765	
2	Tuyến kết nối phía Tây Nam Khu công nghiệp Yên Bình 3 với đường 47m	2025 - 2028	Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 04/12/2025; số 2159/QĐ-UBND ngày 08/12/2025; số 981/QĐ-UBND ngày 14/4/2026	1.555.602		1.555.602	418.000	32.765	
V.3	Ủy thác vốn qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định			0	0	0	70.000	50.000	
1	Ủy thác vốn qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên		Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025				70.000	50.000	
VI	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội			233.673	0	233.673	194.423	39.250	
-	Dự án hoàn thành năm 2026			233.673	0	233.673	194.423	39.250	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Tổng mức đầu tư dự kiến				Lũy kế vốn đã bố trí/ thanh toán đến hết năm 2026	Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn				
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương			
1	Xây dựng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Nguyên	2024 - 2027	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 06/9/2024; Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 16/7/2026 Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	233.673		233.673	194.423	39.250	
VII	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật			13.129.715	3.752.900	10.855.904	408.089	1.397.253	
VII.1	Đổi ứng các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030			5.445.400	3.752.900	5.888.500	339.900	913.728	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			3.298.900	2.798.900	4.696.000	279.000	382.108	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa						60.900	114.120	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo			2.146.500	954.000	1.192.500		365.500	
4	Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển							52.000	
VII.2	Đổi ứng thực hiện các dự án ODA			3.684.315	0	967.404	68.189	207.525	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Tổng mức đầu tư dự kiến				Lũy kế vốn đã bố trí/ thanh toán đến hết năm 2026	Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn				
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương			
1	Dự án Hỗ trợ kinh tế tuần hoàn xanh thông qua cải thiện chuỗi giá trị nông nghiệp ở miền bắc Việt Nam tại tỉnh Bắc Kạn	2025 - 2029	Phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 30/10/2024; Phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	288.920		40.384	14.196	10.780	
2	Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Thái Nguyên	2026 - 2030	Quyết định số 983/QĐ-TTg ngày 16/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Số 708/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 của UBND tỉnh; số 2358/QĐ-UBND ngày 23/7/2026	1.119.223		406.777	5.896	91.000	
3	Dự án Kè chống sạt lở ứng phó biến đổi khí hậu bảo vệ dân sinh và phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn	2026 - 2030	Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 07/02/2024của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 06/12/2024; số 2171/QĐ-UBND ngày 06/12/2024; số 1040/QĐ-UBND ngày 03/9/2025; số 716/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	685.142		152.019	36.415	50.000	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Tổng mức đầu tư dự kiến				Lũy kế vốn đã bố trí/ thanh toán đến hết năm 2026	Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn				
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương			
4	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi Trung du phía Bắc, tỉnh Bắc Kạn	2026 - 2030	Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 20/5/2024 của Thủ tướng; Số 2395/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh	871.606		215.833	11.482	34.000	
5	Dự án Hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị Dự án Giải pháp dựa vào tự nhiên cho phát triển nông thôn toàn diện tỉnh Thái Nguyên	2026 - 2027	Phê duyệt văn kiện dự án tại Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 13/3/2026	18.321		2.245	200	2.045	
6	Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn - Tiểu dự án tỉnh Thái Nguyên	2026 - 2030	Chấp thuận chủ trương tại Thông báo số 771-TB/TU ngày 23/6/2026 của Thường trực Tỉnh ủy	701.103		150.146		19.700	
VII.3	Phân cấp cho cấp xã			4.000.000		4.000.000	-	276.000	Bố trí 03 tỷ đồng/xã, phường

Phụ lục III
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2027 TỈNH THÁI NGUYÊN - VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Nghị quyết số: 316/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Tổng mức đầu tư dự kiến				Lũy kế vốn đã bố trí/ thanh toán đến hết năm 2026	Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn				
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			
	TỔNG SỐ			42.142.096	17.597.037	24.209.306	5.155.164	5.950.000	
A	PHẦN CẤP TỈNH QUẢN LÝ			42.142.096	17.597.037	24.209.306	5.155.164	4.165.000	
I	An ninh và trật tự, an toàn xã hội			497.000	397.000	100.000	410.633	47.366	
-	Dự án hoàn thành trước năm 2026			497.000	397.000	100.000	410.633	47.366	
1	Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Bắc Kạn - Giai đoạn II	2024 - 2027	Quyết định số 3867/QĐ-BCA-H02 ngày 27/5/2024	497.000	397.000	100.000	410.633	47.366	
II	Thể dục, thể thao			573.122	0	573.122	390.141	168.638	
-	Dự án giai đoạn 2021 - 2025 chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 - 2030			573.122	0	573.122	390.141	168.638	
1	Xây dựng sân vận động tỉnh và các hạng mục phụ trợ	2025 - 2026	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 14/7/2021; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 18/4/2023; Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	260.000		260.000	220.657	25.000	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Tổng mức đầu tư dự kiến				Lũy kế vốn đã bố trí/ thanh toán đến hết năm 2026	Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn				
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			
2	Xây dựng Trung tâm Thể dục thể thao (nay là Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao) và Trường Phổ thông năng khiếu Thể dục thể thao	2024 - 2027	Quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 25/6/2024	313.122		313.122	169.484	143.638	
III	Các hoạt động kinh tế			39.155.624	17.200.037	21.732.394	4.304.390	3.898.996	
III.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			9.120.866	3.510.595	5.610.271	889.270	2.632.670	
-	Dự án đầu tư công khẩn cấp			7.626.500	3.013.250	4.613.250	313.747	2.489.634	
1	Xây dựng tuyến đê Hữu Cầu đoạn từ cầu Cao Ngạn đến đập Thác Huống (Hệ thống công trình chống ngập lụt khu vực trung tâm tỉnh Thái Nguyên)	2026 - 2027	Lệnh khẩn cấp tại các Quyết định: Số 2211/QĐ-UBND ngày 09/12/2025; số 2679/QĐ-UBND ngày 31/12/2025; số 1531/QĐ-UBND ngày 27/5/2026	7.626.500	3.013.250	4.613.250	313.747	2.489.634	Tổng nhu cầu NSĐP là 3.030.844 triệu đồng. Phần còn lại bố trí tại Phụ lục II
-	Dự án giai đoạn 2021 - 2025 chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 - 2030			672.021	-	672.021	306.133	93.036	
2	Khu tái định cư Khu công nghiệp Sông Công 2 xã Tân Quang (Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Khu Công nghiệp Sông Công II)	2024 - 2027	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 03/7/2024; Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	33.812		33.812	26.943	6.869	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Tổng mức đầu tư dự kiến				Lũy kế vốn đã bố trí/ thanh toán đến hết năm 2026	Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn				
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			
3	Mở rộng khu tái định cư khu công nghiệp Sông Công 2, xã Tân Quang (khu tái định cư Tân Tiến mở rộng)	2024 - 2028	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 03/7/2024; Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	292.861		292.861	135.930	27.000	
4	Nghĩa trang xã Bá Xuyên, xã Tân Quang	2024 - 2027	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 03/7/2024; Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	30.648		30.648	14.051	16.597	
5	Khu tái định cư khu công nghiệp Sông Công 2, xã Bá Xuyên (Xây dựng khu tái định cư và nhà ở công nhân xã Bá Xuyên)	2025 - 2028	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 03/7/2024; Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	314.700		314.700	129.209	42.570	
-	<i>Dự án chuyển tiếp sang năm 2027</i>			<i>822.345</i>	<i>497.345</i>	<i>325.000</i>	<i>269.390</i>	<i>50.000</i>	
6	Cải tạo, nâng cấp bờ kênh, kết hợp làm đường giao thông tuyến kênh chính hồ Núi Cốc đoạn từ ĐT.267 đến ĐT.266	2025 - 2028	Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 số 1118/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 số 2157/QĐ-UBND ngày 08/12/2025	822.345	497.345	325.000	269.390	50.000	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Tổng mức đầu tư dự kiến				Lũy kế vốn đã bố trí/ thanh toán đến hết năm 2026	Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn				
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			
III.2	Giao thông			29.924.758	13.689.442	16.012.123	3.414.970	1.266.326	
-	<i>Dự án hoàn thành trong năm 2026</i>			2.524.264	-	2.524.264	1.628.501	679.071	
1	Đường nối từ tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc đến đường Triệu Quang Phục, thành phố Phổ Yên	2024 - 2026	Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	137.908		137.908	101.832	36.076	
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.261 - ĐT.266	2024 - 2026	Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 20/7/2023; số 2753/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	698.464	0	698.464	421.384	189.731	
3	Đường Kết nối ĐT.265 (xã Bình Long, huyện Võ Nhai) đi Bắc Giang	2024 - 2026	Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 23/7/2024	291.055	0	291.055	193.333	32.968	
4	Đường vành đai I (đoạn Bờ Đậu, Phú Lương - Hóa Thượng, Đồng Hỷ) và tuyến tránh đô thị Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ	2024 - 2026	Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 21/8/2024	923.241	0	923.241	610.183	260.170	
5	Tuyến đường kết nối từ đường Bắc Sơn đến khu liên hợp thể thao tỉnh Thái Nguyên	2024 - 2026	Quyết định số 2380/QĐ-UBND ngày 03/10/2024	397.813	0	397.813	255.564	130.549	
6	Dự án cải tạo, nâng cấp đường từ QL 3 - cầu Phiêng My, phường Huyền Tung, thành phố Bắc Kạn (Km0+00 -km1+45)	2025 - 2026	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 07/5/2025; 1292/QĐ-UBND ngày 17/6/2025	75.782		75.782	46.205	29.577	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Tổng mức đầu tư dự kiến				Lũy kế vốn đã bố trí/ thanh toán đến hết năm 2026	Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn				
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			
-	Dự án giai đoạn 2021 - 2025 chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 - 2030			1.838.692	-	1.838.692	946.495	587.255	
7	Cầu Quang Vinh 1, cầu Quang Vinh 2 và hệ thống đường giao thông kết nối phường Đồng Bầm, phường Quang Vinh và xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	2024 - 2027	Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	1.528.400		1.528.400	786.178	508.381	
8	Xây dựng cầu đường bộ kết nối phường Hương Sơn và xã Đồng Liên, thành phố Thái Nguyên	2025 - 2027	Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 08/04/2025	210.581		210.581	109.817	50.264	
9	Tuyến đường từ Ngã ba Na Oai đến Cụm công nghiệp Quang Sơn 1, Trường tiểu học Quang Sơn và Trường mầm non Quang Sơn	2025 - 2027	Quyết định số 1756/QĐ-UBND ngày 04/11/2025	99.711	0	99.711	50.500	28.610	
IV	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật			1.916.350	0	1.803.790	50.000	50.000	
-	Chương trình, đề án đầu tư công khác			1.916.350	-	1.803.790	50.000	50.000	
1	Chương trình hỗ trợ đầu tư, cải tạo, nâng cấp hạ tầng giao thông các xã vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030	2026 - 2030	Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 10/12/2025; Nghị quyết số 241/NQ-HĐND ngày 28/4/2026; Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 10/12/2025	1.916.350		1.803.790	50.000	50.000	
B	PHÂN CẤP CHO CẤP XÃ QUẢN LÝ			-	-	-	-	1.785.000	

Phụ lục IV**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2027 TỈNH THÁI NGUYÊN - VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT***(Kèm theo Nghị quyết số: 316/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Tổng mức đầu tư dự kiến				Lũy kế vốn đã bố trí/ thanh toán đến hết năm 2026	Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn				
					NSTW	NSDP			
	TỔNG SỐ			114.722	-	114.722	750	53.000	
	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			114.722	-	114.722	750	53.000	
-	Dự án khởi công mới năm 2027			114.722	-	114.722	750	53.000	
1	Nhà lớp học Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Thái Nguyên	2026 - 2028	Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 24/4/2026	13.784		13.784	150	8.000	
2	Nhà lớp học Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Phổ Yên	2026 - 2028	Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 24/4/2026	19.671		19.671	150	10.000	
3	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Bắc Kạn	2026 - 2028	Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 24/4/2026	12.000		12.000	150	6.000	
4	Trường THCS&THPT Yên Hân	2026 - 2029	Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 24/4/2026	25.000		25.000	150	10.000	
5	Nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất Trường THPT Phú Lương	2026 - 2028	Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 23/4/2026	44.267		44.267	150	19.000	

Phụ lục V
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2027 TỈNH THÁI NGUYÊN - BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số: 316/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư									Luỹ kế vốn đã bố trí đến hết năm 2026			Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027		Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: Vốn nước ngoài - Vốn vay lại (Bội chi Ngân sách tỉnh)
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Vốn đối ứng từ NSTW, NSDP	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) Đưa vào cân đối NSTW						
				Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)										
				Tổng số	Trong đó: Vốn		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt									
					NSTW	NSDP		Tổng số	Trong đó:								
	TỔNG SỐ		3.377.074	924.775	0	924.775		2.452.298	1.940.420	471.027	162.727	27.878	101.245	178.051	178.051		
	Các hoạt động kinh tế		3.377.074	924.775	0	924.775		2.452.298	1.940.420	471.027	162.727	27.878	101.245	178.051	178.051		
-	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		3.377.074	924.775	-	924.775	-	2.452.298	1.940.420	471.027	162.727	27.878	101.245	178.051	178.051		
1	Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 983/QĐ-TTg ngày 16/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Số 708/QĐ-UBND ngày 03/4/2024; số 2358/QĐ-UBND ngày 23/7/2026 của UBND tỉnh	1.119.223	406.777	0	406.777		712.446	356.223	356.223	71.245	5.896	101.245	125.000	125.000		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư									Luỹ kế vốn đã bố trí đến hết năm 2026			Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	
				Trong đó:					Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) Đưa vào cân đối NSTW		Vốn nước ngoài - Vốn vay lại (Bội chi Ngân sách tỉnh)				
				Vốn đối ứng			Quy đổi ra tiền Việt									
				Tổng số	Trong đó: Vốn		Tính bằng nguyên tệ	Tổng số					Trong đó:			
NSTW	NSDP	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại													
2	Dự án Kè chống sạt lở ứng phó biến đổi khí hậu bảo vệ dân sinh và phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 07/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Số 2171/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của UBND tỉnh	685.142	152.019		152.019		533.123	443.045	49.227	90.000	20.500		37.227	37.227	
3	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi Trung du phía Bắc, tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 20/5/2024 của Thủ tướng; số 2395/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh	871.606	215.833		215.833		655.772	590.195	65.577	1.482	1.482	-	10.000	10.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư									Luỹ kế vốn đã bố trí đến hết năm 2026			Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) Đưa vào cân đối NSTW						
				Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng từ NSTW, NSDP				
				Tổng số	Trong đó: Vốn		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt								
					NSTW	NSDP		Tổng số	Trong đó:							
4	Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiểu dự án tỉnh Bắc Kạn	Chấp thuận chủ trương tại Thông báo số 771-TB/TU ngày 23/6/2026 của Thường trực Tỉnh ủy	701.103	150.146		150.146		550.957	550.957				-	5.824	5.824	